

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 12 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trên.
2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp ND, xã TM, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp VBA, xã VT, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào tháng 8 năm 2018, chị H và anh T sống chung với nhau như vợ chồng sau đó đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. UBND xã TM, huyện CT, tỉnh T cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 75/2018 vào ngày 05/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình, chị H khuyên giải nhưng anh T không thay đổi nên từ tháng 02 năm 2019, chị H đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai thì người đó sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến Toà án nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Phạm Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị H và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã xa nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung không có, về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lập Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thanh T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh NGuyễn Thanh T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh NGuyễn Thanh T tổ chức đăng ký kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018 vào ngày 05/10/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Quá trình sống chung chị H và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh T không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình, mặc dù chị H đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi nên từ tháng 02/2019 vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay mà không đoàn tụ được nên chị H yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh T. Bị đơn anh NGuyễn Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy chị H và anh T đã sống xa nhau từ tháng 02/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh T không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hết là mẹ ruột của anh T tại phiếu xác minh tình trạng hôn nhân ngày 13 tháng 11 năm 2020 đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh NGuyễn Thanh T.

[2.2] Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh NGuyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh NGuyễn Thanh T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai số BI/2019/0009634 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay chị H được quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị đơn là anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã TM, H.C, T (GCN số 75/2018)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội